

Bản án số: **68/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/8/2018

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TPRG – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em
2. Bà Trần Lệ Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân TPRG, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPRG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TPRG, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 394/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Cẩm H, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà đường TKD, khu phố 4, pH AH, TPRG, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Luật sư Nguyễn Trường Th, thuộc văn phòng luật sư số 7 - Đoàn luật sư CT (có mặt)

Địa chỉ: Số đường NT, Quận NK, CT.

2. Bị đơn: Anh Võ Trường H, sinh năm: 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 427 đường MC, pH VT, TPRG, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm H trình bày: Tôi và anh H tự quen biết, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND pH An Hoà, TPRG, tỉnh

Kiên Giang cấp giấy chứng nh kết hôn ngày 09/01/2009. Sau khi cưới vợ chồng sống với gia đình anh H tại số nhà 427 đường MC, pH VT, TPRG, tỉnh Kiên Giang nhưng khi nào anh H đi biển là tôi về ở với cha mẹ ruột.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 khi tôi sanh con xong thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến về tình cảm, kinh tế, anh H tH xuyên đi biển nên ít ở nhà nhưng mỗi lần về anh H không hề quan tâm lo cho vợ con và còn xem tH gia đình của tôi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hai vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015. Nay tôi không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị Trương Thị Cẩm H xác định có 01 người con chung tên Võ Ngọc Trân, sinh ngày 19/10/2010, hiện nay con đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị Cẩm H xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trương Thị Cẩm H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 09/5/2018 anh Võ Trường H trình bày: Anh và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND pH An Hoà, TPRG, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/01/2009.

Trong cuộc sống gia đình vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính chất công việc là ngư phủ, anh H tH xuyên vắng nhà cũng không lo được kinh tế gia đình, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện tình cảm vợ chồng không còn nên nguyện vọng của anh H là đề nghị Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H xác định có 01 người con chung tên Võ Ngọc Trân, sinh ngày 19/10/2010, vợ anh là Trương Thị Cẩm H tự nuôi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chúng tôi đã tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Luật sư Nguyễn Trường Th là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị H phát biểu: Chị H và anh H được UBND pH An Hoà, TPRG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nh kết hôn ngày 09/01/2009. Giữa chị H và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, cụ thể: Chị H và anh H luôn bất đồng ý kiến về tình cảm, kinh tế, anh H tH

xuyên đi biển nên ít ở nhà nhưng mỗi lần về anh H không hề quan tâm lo cho vợ con và còn xem tH gia đình của chị H, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hai vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu chấp nh cho chị H được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Giao người con chung tên Võ Ngọc Trân, sinh ngày 19/10/2010, cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con, chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPRG phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý đến ngày đưa quyết định ra xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh H không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nh sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H.

- + Về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Võ Ngọc Trân, sinh ngày 19/10/2010 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- + Về tài sản chung: Chị H và anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- + Về nợ chung: Chị H và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu “xin ly hôn” với anh Võ Trường H. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TPRG, tỉnh Kiên Giang.

Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất bị đơn anh Võ Trường H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có làm đơn xin vắng mặt và chị Trương Thị Cẩm H cũng đồng ý xét xử vắng mặt anh H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Võ Trường H.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Cẩm H và anh Võ Trường H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND pH An Hoà, TPRG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nH kết hôn ngày 09/01/2009. Chị H và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị H và anh H đều xác định do bất đồng ý kiến về tình cảm, kinh tế, anh H tH xuyên đi biển nên ít ở nhà nhưng mỗi lần về anh H không hề quan tâm lo cho con và chị H; ngoài ra, anh H còn xem tH gia đình của chị H. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 và trong thời gian chị H, anh H sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại bản tự khai ngày 09/5/2018 của anh H thì anh H cũng đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nH yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H.

[3] Về con chung: Chị H và anh H xác định có 01 người con chung tên Võ Ngọc Trân, sinh ngày 19/10/2010. Chị H và anh H thống nhất thỏa thuận giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 09/8/2018 của cháu Trân trình bày nếu cha mẹ ly hôn cháu Trân có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nH sự tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh H giao cháu Võ Ngọc Trân, sinh ngày 19/10/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với lời phát biểu của ông Nguyễn Trường Th bào chữa cho chị H, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nH yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Cẩm H được ly hôn với anh Võ Trường H.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên Võ Ngọc Trân, sinh ngày 19/10/2010 cho chị H được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Trường H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung: Chị Trương Thị Cẩm H và anh Võ Trường H xác nH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết (nên miễn xét)

4/ Về nợ chung: Chị Trương Thị Cẩm H và anh Võ Trường H xác nH không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (nên miễn xét).

5/ Về án phí: Buộc chị Trương Thị Cẩm H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị H được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009607 ngày 30/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự TPRG, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nH được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nH:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẠCH SÔ PHÉP